

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN VÀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN Ở CÁC TRƯỜNG MẦM NON QUẬN TÂN PHÚ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH THEO CHUẨN NGHỀ NGHIỆP

NGUYỄN THỊ MẠNH TIẾN*

Ngày nhận bài: 17/06/2017; ngày sửa chữa: 29/06/2017; ngày duyệt đăng: 11/07/2017.

Abstract: Tân Phú is a newly established district in Ho Chi Minh city, thus teacher training has been paid much attention with aim to improve professional competence of teaching staff to meet requirements of professional standards. In this article, author presents situation of teacher training and management of this activity at kindergartens in Tân Phú district, Ho Chi Minh city under professional standards and also points out causes of the situation.

Keywords: Teacher training, preschool teachers, primary school, professional standards.

Chuẩn nghề nghiệp (CNN) của giáo viên mầm non (GVMN) là hệ thống yêu cầu cơ bản về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; kiến thức; kỹ năng sư phạm (KNSP) mà GVMN cần phải đạt được nhằm đáp ứng mục tiêu giáo dục mầm non (GDMN). Để tìm hiểu thực trạng hoạt động bồi dưỡng (HĐBD) giáo viên (GV), quản lý HĐBD GV ở các trường mầm non (TMN) quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh theo CNN, tháng 3/2007, chúng tôi tiến hành khảo sát bằng phiếu hỏi kết hợp trao đổi với 150 GV ở các TMN: Ngôi nhà hạnh phúc; Rạng Đông; Nhiều Lộc; Hoa Lan; Ngôi nhà hạnh phúc 2. Kết quả thu được như sau:

1. Khái quát tình hình GDMN quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Quận Tân Phú được tách ra từ quận Tân Bình và khi mới thành lập dân số là 310.876 người, chỉ có 10 TMN công lập, 15 TMN tư thục và 30 nhóm-lớp mầm non ngoài công lập chỉ giải quyết nhu cầu chỗ học cho các cháu mầm non là 11.144/16.035 trẻ, tỉ lệ huy động là 69,49%. Trong các năm qua, dân nhập cư tăng nhanh, số lượng trường hiện hữu không đáp ứng được so với nhu cầu thực tế. Tính đến tháng 12/2016, có 12 TMN công lập, 38 TMN tư thục và 103 nhóm, lớp mầm non ngoài công lập. Đã xây mới, cải tạo mở rộng 2 trường và là 1 trong 4 quận, huyện đầu tiên của thành phố đã phê duyệt quy hoạch mạng lưới giáo dục đến năm 2020. Hiện nay, quận có 04 TMN đạt chuẩn quốc gia. Tuy nhiên, cơ sở vật chất trường, lớp mầm non còn chưa đáp ứng đủ chỗ học của trẻ, sĩ số học sinh/lớp cao. Hiện trong quận còn phường Phú Thạnh chưa có TMN công lập. Tốc độ gia tăng dân số cơ học nhanh, dân nhập cư đông và thường xuyên biến động nên gây khó khăn cho việc điều tra, thống kê. Nhóm lớp tư thục tăng nhanh gây khó khăn cho công tác quản lý.

- Số lượng GVMN: tính đến năm học 2015-2016 là 1.202 GV, trong đó: GV Nhà trẻ: 312 GV/166 nhóm lớp; GV Mẫu giáo: 890 GV/497 lớp, trong đó có 377 GV dạy 216 lớp mẫu giáo 5 tuổi.

- Chất lượng đội ngũ GVMN: 100% GV đạt trình độ chuẩn, trong đó trên chuẩn: 632/1.202 đạt 52,58%. Mặc dù số lượng GV đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo là rất cao, nhưng năng lực và trình độ chuyên môn nghiệp vụ nhiều GV còn hạn chế, chưa thực sự đổi mới phương pháp dạy học, một số GV còn xếp loại yếu về chuyên môn, nghiệp vụ, chưa đáp ứng CNN.

2. Thực trạng HĐBD GV ở các TMN quận Tân Phú theo CNN

2.1. Mức độ đáp ứng các tiêu chí thuộc lĩnh vực phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của GVMN theo CNN

Kết quả khảo sát cho thấy, mức độ đáp ứng các tiêu chí thuộc lĩnh vực phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của GVMN theo CNN ở các TMN là rất tốt. Điều đó khẳng định rằng, nhận thức của GV trong việc đáp ứng các tiêu chí thuộc lĩnh vực phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống là rất đúng đắn, cần thiết; xác định đây là một tiêu chí cơ bản, bắt buộc phải có ở mỗi GVMN. Tuy nhiên, vẫn còn một số ít GV vẫn chưa đáp ứng tốt được các tiêu chí này. Điều này cho thấy rằng, ở một số TMN, đội ngũ cán bộ quản lý nhà trường vẫn chưa thật sự xây dựng tốt tinh thần đoàn kết trong công việc, việc thực hiện các chính sách của cấp trên và nhà trường vẫn có những bất cập, chưa công bằng, thiếu quy chế dân chủ trong làm việc. Đồng thời, một số ít GV vẫn còn có những nhận thức yếu kém, thiếu tu dưỡng, rèn luyện đáp ứng tiêu chí thuộc lĩnh vực phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của GVMN theo CNN.

2.2. Mức độ đáp ứng các tiêu chí thuộc lĩnh vực kiến thức GVMN theo CNN (xem bảng 1)

Bảng 1 cho thấy, hầu hết nội dung tiêu chí thuộc lĩnh vực kiến thức của GVMN theo CNN chưa được đáp ứng tốt. Trong đó, được đáp ứng tốt hơn cả bao gồm các nội

* Trường Mầm non Ngôi nhà hạnh phúc, quận Tân Phú - TP. Hồ Chí Minh

Bảng 1. Mức độ đáp ứng các tiêu chí thuộc lĩnh vực kiến thức của GVMN theo CNN

Nội dung	Tiêu chí	Mức độ đáp ứng					
		Đáp ứng tốt		Đáp ứng một phần		Không đáp ứng	
		SL	%	SL	%	SL	%
1. Kiến thức cơ bản về GDMN	a. Hiểu biết cơ bản về đặc điểm tâm lí, sinh lí trẻ lứa tuổi mầm non;	76	50,7	70	46,7	4	2,7
	b. Có kiến thức về GDMN bao gồm giáo dục hoà nhập trẻ tàn tật, khuyết tật;	53	35,3	88	58,7	9	6,0
	c. Hiểu biết mục tiêu, nội dung chương trình GDMN;	64	42,7	78	52,0	8	5,3
	d. Có kiến thức về đánh giá sự phát triển của trẻ.	56	37,3	82	54,7	12	8,0
2. Kiến thức về chăm sóc sức khỏe trẻ lứa tuổi mầm non	a. Hiểu biết về an toàn, phòng tránh và xử lí ban đầu các tai nạn thường gặp ở trẻ;	66	44,0	70	46,7	14	9,3
	b. Có kiến thức về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và giáo dục kĩ năng tự phục vụ cho trẻ;	78	52,0	69	46,0	3	2,0
	c. Hiểu biết về dinh dưỡng, an toàn thực phẩm và giáo dục dinh dưỡng cho trẻ;	61	40,7	74	49,3	15	10,0
	d. Có kiến thức về một số bệnh thường gặp ở trẻ, cách phòng bệnh và xử lí ban đầu.	52	34,7	77	51,3	21	14,0
3. Kiến thức cơ sở chuyên ngành	a. Kiến thức về phát triển thể chất;	63	42,0	80	53,3	7	4,7
	b. Kiến thức về hoạt động vui chơi;	58	38,7	76	50,7	16	10,7
	c. Kiến thức về tạo hình, âm nhạc và văn học;	68	45,3	76	50,7	6	4,0
	d. Có kiến thức môi trường tự nhiên, môi trường xã hội và phát triển ngôn ngữ.	53	35,3	78	52,0	19	12,7
4. Kiến thức về phương pháp giáo dục trẻ lứa tuổi mầm non	a. Có kiến thức về phương pháp phát triển thể chất cho trẻ;	51	34,0	77	51,3	22	14,7
	b. Có kiến thức về phương pháp phát triển tình cảm - xã hội và thẩm mỹ cho trẻ;	52	34,7	78	52,0	20	13,3
	c. Có kiến thức về phương pháp tổ chức hoạt động chơi cho trẻ;	54	36,0	81	54,0	15	10,0
	d. Có kiến thức về phương pháp phát triển nhận thức và ngôn ngữ của trẻ	49	32,7	78	52,0	23	15,3
5. Kiến thức phổ thông về chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội liên quan đến GDMN	a. Có hiểu biết về chính trị, kinh tế, văn hoá xã hội và giáo dục của địa phương nơi GV công tác;	60	40,0	86	57,3	4	2,7
	b. Có kiến thức về giáo dục bảo vệ môi trường, giáo dục an toàn giao thông, phòng chống một số tệ nạn xã hội;	59	39,3	86	57,3	5	3,3
	c. Có kiến thức phổ thông về tin học, ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc nơi GV công tác;	43	28,7	75	50,0	32	21,3
	d. Có kiến thức về sử dụng một số phương tiện nghe nhìn trong giáo dục.	45	30,0	83	55,3	22	14,7

dung như: Hiểu biết cơ bản về đặc điểm tâm lí, sinh lí trẻ lứa tuổi mầm non, có kiến thức về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và giáo dục kĩ năng tự phục vụ cho trẻ với tỉ lệ tương ứng lần lượt là 50,7%, 52,0%. Vì đây là những kiến thức cơ bản, bắt buộc phải có của mỗi GV khi hành nghề và là những nội dung cơ bản mà GV phải dạy, làm mẫu cho trẻ hàng ngày.

Tuy nhiên, ở hầu hết các nội dung, việc đáp ứng của GV vẫn còn ở mức độ đáp ứng một phần hoặc chưa đáp ứng được. Trong đó, những nội dung có mức độ đáp ứng thấp nhất đó là: có kiến thức về GDMN bao gồm giáo dục hoà nhập trẻ tàn tật, khuyết tật; có kiến thức chung về phương pháp giáo dục trẻ lứa tuổi mầm non; có kiến thức phổ thông về tin học, ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc nơi GV công tác; có kiến thức về sử dụng một số phương tiện nghe nhìn trong giáo dục. Điều đó cho thấy, việc thực hiện các tiêu chí thuộc lĩnh vực kiến thức của GVMN theo CNN ở các TMN hiện nay còn yếu. Nguyên nhân dẫn đến thực trạng này là do: hầu hết GVMN hiện nay chỉ được đào tạo ở hệ trung cấp,

còn trẻ, mới ra trường nên kiến thức và kinh nghiệm nuôi dưỡng, giáo dục trẻ còn nhiều hạn chế; thực tế, GV đã được đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao kiến thức chuyên môn song thời gian đào tạo ngắn với nhiều nội dung dẫn đến chưa có cơ hội nghiên cứu đào sâu những nội dung kiến thức theo CNN. Do đó, việc tổ chức và nâng cao chất lượng bồi dưỡng cho GV về lĩnh vực kiến thức theo CNN là hết sức cần thiết và cấp bách.

2.3. Mức độ đáp ứng các tiêu chí thuộc lĩnh vực KNSP của GVMN theo CNN (xem bảng 2)

Kết quả số liệu *bảng 2* cho thấy, nội dung tiêu chí thuộc lĩnh vực KNSP của GVMN theo CNN chưa được GV đáp ứng tốt. Hầu hết GVMN hiện nay chỉ đáp ứng một phần, thậm chí có GV vẫn chưa đáp ứng được các nội dung tiêu chí về KNSP theo CNN của GVMN. Hạn chế trên được xuất phát bởi nhiều nguyên nhân, trong đó những nguyên nhân chủ yếu được xác định đó là:

- Xuất phát từ việc đào tạo cơ bản của các nhà trường trong đào tạo GVMN chủ yếu đào tạo cho sinh viên về

Bảng 2. Mức độ đáp ứng các tiêu chí thuộc lĩnh vực KNSP của GVMN theo CNN

Nội dung	Tiêu chí	Mức độ đáp ứng					
		Đáp ứng tốt		Đáp ứng một phần		Không đáp ứng	
		SL	%	SL	%	SL	%
1. Lập kế hoạch chăm sóc, giáo dục (CS-GD) trẻ	a. Lập kế hoạch CS-GD trẻ theo năm học thể hiện mục tiêu và nội dung CS-GD trẻ của lớp mình phụ trách;	42	28,0	105	70,0	3	2,0
	b. Lập kế hoạch CS-GD trẻ theo tháng, tuần;	45	30,0	103	68,7	2	1,3
	c. Lập kế hoạch hoạt động một ngày theo hướng tích hợp, phát huy tính tích cực của trẻ;	57	38,0	93	62,0	0	0,0
	d. Lập kế hoạch phối hợp với cha mẹ của trẻ để thực hiện mục tiêu CS-GD trẻ.	41	27,3	97	64,7	12	8,0
2. Kỹ năng tổ chức thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ	a. Biết tổ chức môi trường nhóm, lớp đảm bảo vệ sinh và an toàn cho trẻ;	56	37,3	90	60,0	4	2,7
	b. Biết tổ chức giấc ngủ, bữa ăn đảm bảo vệ sinh, an toàn cho trẻ;	68	45,3	80	53,3	2	1,3
	c. Biết hướng dẫn trẻ rèn luyện một số kỹ năng tự phục vụ;	63	42,0	82	54,7	5	3,3
	d. Biết phòng tránh và xử trí ban đầu một số bệnh, tai nạn thường gặp đối với trẻ.	50	33,3	91	60,7	9	6,0
3. Kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ	a. Biết tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ theo hướng tích hợp, phát huy tính tích cực, sáng tạo của trẻ;	49	32,7	80	53,3	21	14,0
	b. Biết tổ chức môi trường giáo dục phù hợp với điều kiện của nhóm, lớp;	57	38,0	86	57,3	7	4,7
	c. Biết sử dụng hiệu quả đồ dùng, đồ chơi (kể cả đồ dùng, đồ chơi tự làm) và các nguyên vật liệu vào việc tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ;	58	38,7	87	58,0	5	3,3
	d. Biết quan sát, đánh giá trẻ và có phương pháp CS-GD trẻ phù hợp.	62	41,3	82	54,7	6	4,0
4. Kỹ năng quản lý lớp học	a. Đảm bảo an toàn cho trẻ;	76	50,7	74	49,3	0	0,0
	b. Xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý nhóm, lớp gắn với kế hoạch hoạt động CS-GD trẻ;	55	36,7	80	53,3	15	10,0
	c. Quản lý và sử dụng có hiệu quả hồ sơ, sổ sách cá nhân, nhóm, lớp;	75	50,0	73	48,7	2	1,3
	d. Sắp xếp, bảo quản đồ dùng, đồ chơi, sản phẩm của trẻ phù hợp với mục đích CS-GD.	71	47,3	77	51,3	2	1,3
5. Kỹ năng giao tiếp, ứng xử với trẻ, đồng nghiệp, phụ huynh và cộng đồng	a. Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử với trẻ một cách gần gũi, tình cảm;	66	44,0	78	52,0	6	4,0
	b. Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử với đồng nghiệp một cách chân tình, cởi mở, thẳng thắn;	58	38,7	85	56,7	7	4,7
	c. Gần gũi, tôn trọng và hợp tác trong giao tiếp, ứng xử với cha mẹ trẻ;	77	51,3	73	48,7	0	0,0
	d. Giao tiếp, ứng xử với cộng đồng trên tinh thần hợp tác, chia sẻ.	78	52,0	72	48,0	0	0,0

những nội dung kiến thức theo CNN, chưa chú trọng nhiều đến việc đào tạo KNSP theo CNN cho sinh viên. Việc rèn luyện KNSP cho GV thường được tiến hành chủ yếu thông qua HDBD của TMN, quá trình tích lũy kinh nghiệm của GV trong thực tiễn quản lý, nuôi dưỡng, CS-GD trẻ còn ít và chưa có những hướng dẫn cụ thể.

- Xuất phát từ chất lượng bồi dưỡng của cơ quan quản lý các cấp và nhà trường cho đội ngũ GV theo CNN, nhất là những nội dung thuộc lĩnh vực KNSP chưa được chú trọng và đầu tư nhiều thời gian để GV được thực hành. Bên cạnh đó, nhiều TMN chưa chú trọng xây dựng được đội ngũ GV có chất lượng tốt làm nòng cốt để bồi dưỡng cho mọi GV trong trường;

- Thời gian tổ chức tiến hành bồi dưỡng còn ít, chưa có nhiều thời gian cho GV được thực hành và học hỏi kinh nghiệm từ đồng nghiệp, từ các trường khác và vận dụng vào thực tiễn giảng dạy.

- Xuất phát từ trình độ năng lực còn hạn chế của đội ngũ GV. Đa số GV các TMN được đào tạo từ hệ trung cấp

(70%) với điểm thi đầu vào thấp, còn rất trẻ. Quá trình làm việc tại trường lại thiếu phương pháp xử lý các tình huống trong quản lý, CS-GD, nuôi dưỡng trẻ nên việc tích lũy kinh nghiệm còn yếu.

2.4. HDBD GV ở các TMN quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh theo CNN

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách nhằm phát triển GDMN. Tại TP. Hồ Chí Minh, GDMN đã có bước phát triển đáng kể về mạng lưới, quy mô trường lớp và nhất là chất lượng giáo dục.

Việc bồi dưỡng GV thường xuyên ở các TMN, phòng GD-ĐT quận Tân Phú chủ yếu đi sâu vào việc đổi mới phương pháp dạy học mà chưa chú ý đến việc bồi dưỡng nâng cao kiến thức tâm lý trẻ, kiến thức phổ thông về chính trị xã hội, ngoại ngữ, tin học, văn hóa địa phương... kinh nghiệm giao tiếp, ứng xử với trẻ, phụ huynh. So với nội dung của CNN, nội dung bồi dưỡng thường xuyên chưa đủ đáp ứng.

Các hình thức tổ chức HDBD GV như: Bồi dưỡng tập trung theo kế hoạch tập huấn của Sở GD-ĐT; Bồi dưỡng theo chuyên đề theo cụm trường theo kế hoạch của Phòng GD-ĐT; Trường tự tổ chức các hoạt động bồi dưỡng thường xuyên; GV tự bồi dưỡng theo chương trình quy định.

Hơn 5 năm qua, từ khi GVMN được đánh giá theo CNN, Phòng GD-ĐT quận Tân Phú đã tiến hành bồi dưỡng GV nhằm đáp ứng CNN với nhiều nội dung khác nhau theo CNN, nhằm từng bước nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng sư phạm cho GV, cụ thể như:

- *Bồi dưỡng kiến thức:* Bồi dưỡng kiến thức cơ bản về GDMN, về chăm sóc sức khỏe lứa tuổi mầm non; Kiến thức cơ sở chuyên ngành; Kiến thức phổ thông về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội liên quan đến GDMN.

- *Bồi dưỡng kỹ năng về CS-GD trẻ:* Bồi dưỡng về kỹ năng lập kế hoạch CS-GD trẻ theo năm học, tháng, tuần; lập kế hoạch phối hợp với cha mẹ của trẻ để thực hiện mục tiêu CS-GD trẻ. Bồi dưỡng kỹ năng tổ chức thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ như: tổ chức môi trường nhóm, lớp đảm bảo vệ sinh an toàn cho trẻ; tổ chức bữa ăn, giấc ngủ; rèn luyện cho trẻ một số kỹ năng tự phục vụ; phòng tránh và xử trí ban đầu một số bệnh, tai nạn thường gặp đối với trẻ.

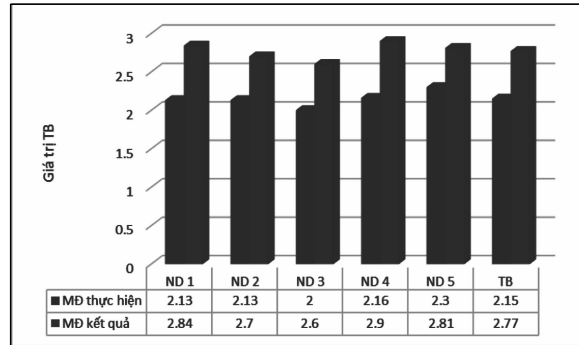
Tuy nhiên, kết quả hoạt động bồi dưỡng GV ở các TMN quận Tân Phú chưa được như mong muốn do một số nguyên nhân: Kế hoạch, nội dung, hình thức bồi dưỡng chưa thực sự khoa học, chưa bám sát được yêu cầu nâng cao chất lượng GV đáp ứng CNN. Thời gian bồi dưỡng có lúc chưa hợp lý, chưa kịp thời. HDBD GV đôi khi còn nặng về hình thức, thủ tục hành chính chưa bổ sung được những năng lực cụ thể mà GVMN đang khiếm khuyết và cần thiết trong quá trình thực hiện các hoạt động giáo dục. Vì vậy, muốn nâng cao được hiệu quả của HDBD GV, các cấp quản lý cần thiết phải đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức đáp ứng tốt với CNN của GVMN.

3. Thực trạng quản lý HDBD GVMN ở các TMN quận Tân Phú theo CNN

Bảng 3. Thực trạng quản lý HDBD GVMN ở các TMN quận Tân Phú theo CNN

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện			Mức độ kết quả		
		Σ	\bar{X}	Thứ bậc	Σ	\bar{X}	Thứ bậc
1	Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch bồi dưỡng GVMN theo CNN	320	2,13	3,5	426	2,84	2
2	Tổ chức thực hiện chương trình, nội dung bồi dưỡng GVMN theo CNN	320	2,13	3,5	405	2,70	4
3	Quản lý hoạt động tự bồi dưỡng của GVMN theo CNN	300	2,00	5	390	2,60	5
4	Quản lý việc đổi mới phương pháp, hình thức bồi dưỡng GVMN theo CNN	324	2,16	2	435	2,90	1
5	Quản lý khâu kiểm tra, đánh giá kết quả HDBD GVMN theo CNN	345	2,30	1	422	2,81	3
	Giá trị trung bình		2,15			2,77	

Kết quả *bảng 3* cho thấy: Mức độ thực hiện thực hiện các nội dung quản lý HDBD GVMN theo CNN ở các TMN quận Tân Phú chưa được thực hiện thường xuyên, kết quả thực hiện các nội dung còn ở mức trung bình.



Biểu đồ. Thực trạng quản lý HDBD GVMN ở các TMN quận Tân Phú theo CNN

Để khẳng định sự phù hợp giữa các luồng ý kiến đánh giá về mức độ thực hiện và mức độ kết quả thực hiện *quản lý HDBD GVMN ở các TMN quận Tân Phú theo CNN*, chúng tôi sử dụng hệ số tương quan thứ bậc Spieckman để tính toán, với kết quả $r = 0,825$ cho phép kết luận: tương quan thuận và rất chặt chẽ. Với kết quả trên cho phép kết luận tương quan trên là thuận và rất chặt chẽ. Có nghĩa là các khách thể khảo sát thống nhất với nhau về mức độ thực hiện, kết quả thực hiện của thực trạng quản lý HDBD GVMN ở các TMN theo CNN ở quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

Kết quả khảo sát cho thấy: Phần lớn khách thể khảo sát đã nhận thức đúng đắn về vai trò quan trọng của HDBD, quản lý HDBD GVMN theo CNN. Tuy nhiên, một số khách thể khảo sát vẫn còn coi nhẹ nội dung này và thỏa mãn với những gì mình có; Đa số GVMN chưa đáp ứng tốt CNN đối với GVMN, đặc biệt là tiêu chuẩn về kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ; Qua khảo sát các nội dung quản lý HDBD GVMN theo CNN ở mức độ thực hiện (thường xuyên, thi thoảng, không bao giờ) và mức độ kết quả thực hiện (Tốt, Khá, Trung bình, Yếu) ở các nội dung quản lý bao gồm: Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch bồi

dưỡng GVMN; Tổ chức thực hiện chương trình, nội dung bồi dưỡng GVMN; Quản lý hoạt động tự bồi dưỡng của GVMN; Quản lý việc đổi mới phương pháp, hình thức bồi dưỡng GVMN; Quản lý khâu kiểm tra, đánh giá kết quả HDBD GVMN. Kết quả khảo sát cho thấy, các nội dung quản lý trên chưa được thực hiện thường xuyên, kết quả còn chưa cao. Đây là cơ sở thực tiễn quan trọng để tìm ra những giải pháp hữu hiệu khắc phục thực trạng trên. □

(Xem tiếp trang 4)

dễ tiếp thu... Phương pháp giáo dục cần hướng tới thực tiễn, không dùng lý thuyết suông. Nói chuyện với cán bộ trường Chính trị, Người nói: “*Học chính cương, chính sách rồi thì phải thực hiện. Nếu thuộc lâu mà không biết đánh giặc thì vô dụng*” [4, tập 6, tr 318].

Đặc biệt, Người luôn nhấn mạnh tới những phẩm chất đạo đức và trình độ của người thầy trong việc giáo dục đạo đức cho học sinh (phương pháp nêu gương). Giáo viên trước hết phải là người có đức “*Muốn cho học sinh có đức thì giáo viên phải có đức. Ví như bảo học trò phải dậy sớm, giáo viên trưa mới dậy. Cho nên thầy giáo, cô giáo phải gương mẫu, nhất là đối với trẻ con. Trách nhiệm đó rất vẻ vang, quan trọng*” [4, tập 9, tr 492]. Giáo viên cần gần gũi với người học, để hiểu tâm tư nguyện vọng của họ “*Giáo viên chưa được coi trọng vì chưa có hương (hữu xạ tự nhiên hương), còn xa rời quần chúng. Có nhiều giáo viên được quần chúng coi trọng, như chiến sĩ thi đua, giáo viên bình dân học vụ, học cùng với nhân dân kết thành một khối nên được quần chúng yêu mến. Nếu giáo viên tách mình ra, tự cho mình là tri thức, thì làm sao quần chúng coi trọng được*” [4, tập 9, tr 493]. Điều đó có nghĩa là, giáo viên không nên xơ cứng phương pháp giáo dục. Ngoài việc sử dụng đa dạng các phương pháp giảng dạy, giáo viên nên chú ý đến phương pháp nêu gương trong công tác giáo dục học sinh. Giáo viên phải luôn trau dồi thêm kiến thức, cập nhật thông tin, tri thức mới, phải cầu thị để tiến bộ “*Cán bộ giáo viên phải tiến bộ cho kịp thời đại thì mới làm được nhiệm vụ. Chớ tự túc, tự mãn, cho là giỏi rồi thì dừng lại. Mà dừng lại là lùi bước, là lạc hậu, mình tự đào thải trước. Cho nên phải cố gắng học tập để cải tạo mình, cải tạo con em và giúp vào cải tạo xã hội. Muốn cải tạo tư tưởng thì phải nắm lấy vũ khí của chủ nghĩa Mác - Lênin, mà ở trong xã hội cũ không thể có được, đó là thật thà tự phê bình và phê bình*” [4, tập 9, tr 489]; Giáo viên phải có bản lĩnh chính trị, phải “*lập trường vững vàng và cách xem xét đúng đắn*” [4, tập 9, tr 492].

3. Kết luận và bàn luận

Tuy thời gian đã lùi xa, thời điểm xuất hiện những quan điểm nêu trên của Hồ Chí Minh không giống như bây giờ, nhưng những định hướng ấy vẫn còn nguyên giá trị cho công cuộc đổi mới căn bản và toàn diện GD-ĐT của Việt Nam hiện nay như: + Một nền giáo dục tốt trước hết phải gắn với việc thực hiện tốt nhiệm vụ của cách mạng đặt ra, gắn với yêu cầu của đời sống xã hội; nội dung, phương pháp giảng dạy, chương trình, sách giáo khoa... phải gắn với tính chất, mục đích của nền giáo dục (phải thiết thực, phù hợp); + GD-ĐT là nhiệm vụ hàng đầu và cần được cụ thể hóa trong thực tiễn; + Có thể học hỏi kinh nghiệm tiến bộ của nước ngoài, nhưng không được “sính ngoại”, lạm dụng giáo dục nước ngoài; không được quên lãng, xa rời, xem nhẹ đặc điểm, điều kiện, tính chất, mục đích của ta; + Phải ghi nhận những đóng góp, cống hiến của các thế hệ giáo viên

bằng tinh thần và hành động cụ thể. Vai trò của người thầy luôn luôn phải được tôn vinh. Bên cạnh yêu cầu nâng cao phẩm chất, đạo đức, trình độ, chuyên môn nghiệp vụ của giáo viên, Đảng và Nhà nước cần chú ý đến việc nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của họ; + Cần thấy rõ vai trò to lớn của các thế hệ học sinh, những người chủ tương lai của đất nước, từ đó các cơ quan quản lý, nhà trường, giáo viên cần phấn đấu, làm tốt nhiệm vụ trồng người cao cả.

Hồ Chí Minh coi “cán bộ là gốc của mọi công việc”. Vì vậy, khâu quan trọng, đột phá và quyết định cho sự thắng lợi của công cuộc đổi mới căn bản và toàn diện GD-ĐT của Việt Nam hiện nay chính là phải thực hiện tốt công tác cán bộ, giáo viên. Giáo viên, cán bộ, đặc biệt cán bộ quản lý giáo dục phải có đức và tài. Đức là gốc, tài là ngọn, cho nên trước tiên, phải tập trung tác động mạnh vào gốc, làm chuyển biến, hoàn thiện gốc. Bên cạnh sự tự giác, khích lệ, các cơ quan chức năng có thẩm quyền cần đưa ra những chế tài đủ mạnh để giáo dục, nâng cao đạo đức nghề giáo viên. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Phạm Minh Hạc (2015). *Triết lý Hồ Chí Minh về giáo dục và sự nghiệp công nghiệp hóa ở Việt Nam*. Tạp chí Giáo dục, số 358, tr 1-4.
- [2] Đoàn Thanh Hải - Minh Tiến (sưu tầm, tuyển chọn) (2005). *Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục*. NXB Lao động.
- [3] Nguyễn Huy Phòng (2013). *Từ những lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về giáo dục, nghĩ về bản lĩnh của người thầy hôm nay*. Tạp chí Giáo dục, số 322, tr 18-20.
- [4] *Hồ Chí Minh toàn tập* (2009, CD ROM - 12 tập). NXB Chính trị Quốc gia.
- [5] *Hồ Chí Minh toàn tập* (2011, 15 tập). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.

Thực trạng hoạt động bồi dưỡng...

(Tiếp theo trang 8)

Tài liệu tham khảo

- [1] Luật Giáo dục (2005), sửa đổi bổ sung năm 2009.
- [2] Bộ GD-ĐT (2008). *Điều lệ trường mầm non, Ban hành kèm theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/04/2008 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT*.
- [3] Bộ GD-ĐT (2008). *Quyết định số 02/2008/QĐ-BGDĐT ngày 22/01/2008 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT ban hành quy định về chuẩn nghề nghiệp của giáo viên mầm non*.
- [4] Hoàng Văn Cẩn (2015). *Phát triển nguồn lực giáo viên đáp ứng nhu cầu giáo dục mầm non tại TP. Hồ Chí Minh*. NXB Đại học Sư phạm.
- [5] Trần Thị Ngọc Chúc (2012). *Xây dựng tiêu chí đánh giá thẩm định chất lượng các nhóm lớp mầm non tu thực tại TP. Hồ Chí Minh hiện nay*. Đề tài cấp cơ sở, Sở Khoa học và Công nghệ TP. Hồ Chí Minh.